



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

TELEPHONE:

IV#: 219155

VEWL.#: 41721

I-171#: Y NO ☒

EXIT VISA#: NO

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THANH VŨ
Last Middle First
Current Address: 942/6B - Khóm 3 - Tam Hiệp, Biên Hòa - DONG NAI
Date of Birth: 4 JULY 1940 Place of Birth: Tam Hiệp, Biên Hòa - VIETNAM
Previous Occupation (before 1975) Major RVNAF serial no. 60/154200
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1 May 1975 To 27 July 1983
Years: 8 Months: 3 Days: 26
3. SPONSOR'S NAME: PHU Q. NGUYEN
Name

Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Last

Middle

First.

Current Address: 942/6B - Khóm 3 - Tam Hiệp, Biên Hòa - DONG NAI

Date of Birth: 4 JULY 1940 Place of Birth: Tam Hiep, Binh Hoa - VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) Major RVNAF serial no 60/154200
(Rank & Position)

(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1 May 1975 To 27 July 1983
Years: 8 Months: 3 Days: 26
3. SPONSOR'S NAME: PHU Q. NGUYEN
Name

Address and Telephone Number

Dates: From 1 MAY 1975 To 27 JULY 1983

Years: 8 Months: 3 Days: 26

3. SPONSOR'S NAME: PHU Q. NGUYEN
Name _____
Address and Telephone Number _____
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name _____

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

PHU Q. NGUYEN

Unde

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN THANH VŨ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN - THỊ - CÚC	12 OCT. 1940	WIFE
NGUYỄN - THANH - TUẤN	10 NOV. 1965	SON
NGUYỄN - THU - TRANG	10 NOV. 1965	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: 219155
VEWL.#: 41721
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Thanh Vu
Last Middle First
- Current Address: 14 QL 4, Bien Hoa, Dong Nai
- Date of Birth: 07/04/40 Place of Birth: Bien Hoa
- Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/03/75 To 07/83
Years: _____ Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: Phu Q. Nguyen

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N: 67344/8901

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

- 1 -

BỊ CHỮ - NOTES

- 2 -

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 67344 XC

Cấp cho ông Nguyễn Thanh Vũ

Công vụ ở nước ngoài

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Giao cấp khẩu phần ăn nhất

Trước ngày 20.06.1990

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Hoàng Liên

- 3 -

Họ tên NGUYỄN THANH VŨ
Nom et prénoms

Ngày sinh 1940
Date de naissance

Nơi sinh Đồng nai
Lieu de naissance

Chỗ ở Đồng nai
Domicile

Quốc tịch Việt nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhân dạng Châu cao
Signalament Taille

Màu mắt /
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt /
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



CHỮ ký
Signature

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 20.12.1994
IL expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 1989
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng

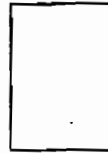
Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số: 67-353/8906,
N:

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

- 1 -

BỊ CHỮ - NOTES

- 8 -

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 67-353/XC

Cấp cho anh Nguyễn Thành Tuấn

Công với trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Ơn cứu khổ: Đến nay nhất

Trước ngày 20-06-1990

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Hoàng Liêm

- 9 -

Họ tên NGUYỄN THANH TUẤN
Nom et prénoms

Ngày sinh 1965
Date de naissance

Nơi sinh Đồng Nai
Lieu de naissance

Chỗ ở Đồng Nai
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Chều cao
Signalement Taille

Màu mắt /
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt /
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 20.12.1999
IL expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 1989
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



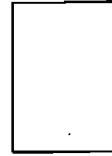
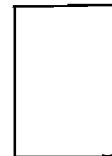
Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số: 67-351/89 DC
H: 67-351/89 DC

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

- 1 -

BỊ CHỮ - NOTES

- 8 -

THỊ THỰC - VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số: 67-351 XC
Cấp cho: Bà Nguyễn Thị桂
Công việc: trẻ em
Đến nước: HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ
Qua cửa khẩu: Trần sơn nhất
Trước ngày: 20-06-1990
Hộ Nội, ngoại: 20 tháng 06 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



Hoàng Liễn

- 9 -

Họ tên NGUYỄN THỊ CÚC
Nom et prénoms

Ngày sinh 1940
Date de naissance

Nơi sinh Biên Hòa
Lieu de naissance

Chỗ ở Đồng Nai
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Châu cao
Signalement Taille

Màu mắt /
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt /
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 20.12.1994
IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 1989
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



Huỳnh Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số: 67355/89
N:

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

- 1 -

BỊ CHỮ — NOTES

- 8 -

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số: 67355 XC

Cấp cho: chị Nguyễn Thu Trang

Chức vụ: Trẻ em

Đến nước: HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quốc gia khác: Dân sự nhất

Trước ngày: 20 06 1990

Hu Nội, ngày 21 tháng 12 năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Hoàng Liên

- 9 -

Họ tên NGUYỄN THU TRANG
Nom et prénoms

Ngày sinh 1965
Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai
Lieu de naissance

Chỗ ở Đông Nai
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng /
Signalement

Chiều cao /
Taille

Màu mắt /
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt /
Signes particuliers

- 2 -

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

- 3 -

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 20.12.1994
IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 1989
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



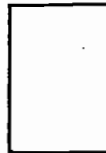
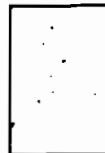
Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

Middlesex, ngày 20/2/1990.

Kính gửi
HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRI VIETNAM
P.O. BOX 5435
Arlington, VA. 22205

Thưa Quý Hội,

Hồ-sơ bổ-túc: NGUYỄN THANH VŨ

Xin gửi kèm theo đây bản photocopies :

- Hộ-chiếu (Passports) cấp ngày 20-12-89 cho Nguyễn-thanh-Vũ và gia đình gồm có:

Nguyễn-thị-Cúc (vợ)
Nguyễn-thanh-Tuấn (con)
Nguyễn-thu-Trang (con).

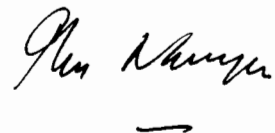
- Giấy Giới thiệu (Letter of Introduction) của gia đình Nguyễn-thanh-Vũ.

để quý Hội lập danh sách những của Tu nhân Chính trị V.N đã có Thông Hành Hâu O.D.P/Bangkok xúc tiến việc Phóng vấn sớm.

Đồng thời, chúng tôi cũng gửi cho U.S Embassy Bangkok/O.D.P các bản sao trên để bổ túc hồ-sơ IV # 219155.

Thanh thật cảm ơn quý Hội./.

Kính chào,



Phu Nguyen

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

OCT 14, 1987

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN THANH VU	BORN	4 JUL 40	(IV 219155)
NGUYEN THI CUC	BORN	12 OCT 40	WIFE
NGUYEN THANH TUAN	BORN	10 NOV 65	UNMARRIED SON
NGUYEN THU TRANG	BORN	10 NOV 65	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 14 QUOC LO 1
BIEN HOA
DONG NAI

VEWL#: 41721

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIỆN HO ĐƯỢC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA ĐƯỢC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAN (UNHCR). CHÚNG TÔI YÊU CẦU GIỚI THAM QUYỀN CẤP CHO HỌ GIẤY XUẤT CẢNH CÙNG NHỮNG GIẤY TỜ CẦN THIẾT ĐỂ RỜI VIỆT NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHỮNG NGƯỜI KẸ TRÊN ĐÃ ĐƯỢC UNHCR ĐỀ NGHỊ TÔI THAM QUYỀN VIỆT NAM THEO DANH SÁCH CHIỀU KHẨN NHẬP CẢNH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,


Bruce A. Beardsley
U.S. Consul General
DIRECTOR, CONSULAR AFFAIRS
ORDERLY, PASSPORT OFFICE
BANGKOK, THAILAND

ODP-I
10/81

9250077

Kính gửi Bà Khúc Minh Thỏ
Chủ tịch Hội Gia đình Tù Nhân
Chánh Trị Việt Nam
P.O. BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

Kính Bà,

Xin chuyển đến quý Hội hồ-sơ xin định cư tại Hoa-Kỳ
của cựu Tù Nhân Chánh trị NGUYỄN THANH VŨ.

Vì chúng tôi chỉ là Cố và Dương của NGUYỄN THANH VŨ,
nên chúng tôi không thể điền Mẫu I-130 theo Luật Di-trú của
Mỹ cho gia đình Nguyễn Thanh Vũ được.

Do đó, vì lý do nhân đạo, xin quý Hội vui lòng ghi
tên gia đình NGUYỄN THANH VŨ - gồm có 4 người, như L.O.I đã
ghi - vào danh sách các Cựu Tù Nhân Chánh Trị Việt Nam được
thả ra xin định cư ở Hoa-Kỳ, hầu chuyển cho Bộ Ngoại Giao Hoa-
Kỳ có tài liệu để thảo luận với nhà cầm quyền Việt Nam trong
việc cứu xét cho những Tù Nhân Chánh Trị Việt Nam được xuất
cảnh.

Và sau đây là địa-chỉ mới nhất của NGUYỄN THANH VŨ:

942/6B - Khóm 3 - Tam Hiệp
Biên Hòa, ĐÔNG NAI

Đồng thời, chúng tôi cũng có thông báo cho ODP/Bangkok cũng ngày.

Thành thật cảm ơn Bà và kính chào Bà ./.



Nguyen Q. Phu
September 6, 1988

Dính kèm:

- L.O.I cấp ngày 14-10-87
- Giấy Ra Trại
- Mẫu ghi danh TNCT với USCC
- Mẫu đơn Ly Lịch với HGD TNCTVN
- Câu hỏi của người nộp đơn cho ODP

(mỗi thứ 2 bản)

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

OCT 14, 1987

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN THANH VU	BORN	4 JUL 40	(IV	219155)
NGUYEN THI CUC	BORN	12 OCT 40	WIFE	
NGUYEN THANH TUAN	BORN	10 NOV 65	UNMARRIED SON	
NGUYEN THU TRANG	BORN	10 NOV 65	UNMARRIED DAUGHTER	

ADDRESS IN VIETNAM: 14 QUOC LO 1
BIEN HOA
DONG NAI

VEWL#: 41721

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIỆN HO ĐƯỢC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA ĐƯỢC PHÒNG VẠN QUÁ ĐẠI DIỆN CAO ỦY LIÊN HIỆP QUỐC ĐẶC TRÁCH TỶ NẠN (UNHCR). CHÚNG TÔI YÊU CẦU GIỚI THAM QUYỀN CẤP CHO HỌ GIẤY XUẤT CẢNH CÙNG NHỮNG GIẤY TỜ CẦN THIẾT ĐỂ RỜI VIỆT NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHỮNG NGUOI KE TREN ĐÃ ĐƯỢC UNHCR ĐỀ NGHỊ TÔI THAM QUYỀN VIỆT NAM THEO DANH SÁCH CHIED KHAN NHAP CẢNH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,

David Beardsley
Consular Officer of the U.S. Embassy
DIRECTOR, PASSPORTS AND VISA SECTION
U.S. EMBASSY, BANGKOK, THAILAND
OFFICE

ODP-I
10/31

9250077

Orderly Departure Program
American Embassy
APO San Francisco 96346

NGUYEN THANH VU
14 QUOC LO 1
BIEN HOA
DUNG NAI
VIET NAM

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office either by telephone or letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears below.

IV Number: 219155

Encl: Letter of Introduction
Instructions

CRU /YUI

IV 219/55

BỘ NỘI VỤ
TRẠI : Hầm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

75 LẤY RA TRẠI

theo thông tin số 966/BCA/TTC ngày 31.05.1961 của
Bộ Nội Vụ.
Thủ hành quyết định của số 29/QĐ ngày 07.07.1983 của
Bộ Nội Vụ.

Hay cấp giấy cho anh có tên sau đây:

- Họ và tên đầy đủ: Nguyễn Thành Vũ
- Họ tên thường gọi:
- Họ tên bị danh:
- Năm sinh: 1940
- Nơi sinh: Biên Hòa
- Trú quán: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai

- Chức vụ: Thiquita trưởng (hội hành chính)
- Bị bắt: 03/05/1975
- án phạt: TGT

Hay về cư trú tại: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.

Nhận xét quá trình của tạo.

Tư tưởng: Quá trình cải tạo không có biến hóa gì xấu chịu
giáo dục của cách mạng.

Lao động: Tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được
giáo dục suốt chất lượng khá.

Nội quy: Chấp hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia học tập đều có tiến bộ (quần chố 12 th

Ngày 27 tháng 07 năm 1983

Tân tay nhận trả pho: Họ tên chủ ký của
của: Nguyễn Thành Vũ (ký tên) O. STAN THI
(ấn chỉ) (ấn ký)
Thiếu Tá Nguyễn Anh Quang
Nguyễn Thành Vũ

SÁO Y BẢN CHÍNH

SÁO Y BẢN CHÍNH

Ngày

Tháng

Năm



Nguyễn Duy Cường



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

IV-219155

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN THANH VŨ
Last Middle First

Current Address 14 QUOC LO 1 THANH PHO BIENHOA (DONG NAI) - VIET NAM

Date of Birth 4 JULY 1940 Place of Birth TAM HIEP, BIENHOA - VIETNAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1 - NGUYEN THU CUC Wife

2 - NGUYEN THANH TUAN Son

3 - NGUYEN THU TRANG Daughter

4 - NGUYEN THANH TRUC Son

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 1 MAY 1975 To 27 JULY 1983

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>PHU NGUYEN</u>	<u>Uncle-in-law</u>		

Form Completed By:

PHU NGUYEN

Name

Address

Additional information : NGUYỄN THANH VŨ
was a former Major RVNAF, Serial # 60/154200
Military Unit: Regional Finance & Administrative Service Nr.7 - Mytho -
(Sở Hành Chánh Tài Chánh số 7 - Mytho)
affiliated of Directorate Generale of Finan
& Audit/Ministry of Defense/R.V.N
(Tổng Nha Tài Chánh và Thanh Tra Quân Phí/B
Quốc Phòng/VNCH)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D
(12/84)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN-THANH- VU
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1- NGUYEN THU CUC	1940 ,	WIFE
2- NGUYEN THANH TUAN	1965 ,	SON (Twin)
3- NGUYEN THU TRANG	1965 ,	DAUGHTER (Twin)
4- NGUYEN THANH TRUC	1967 ,	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

Last RVN/Military Unit: REGIONAL FINANCE & ADMINISTRATIVE SERVICE NR.7 - MYTHO (SVN)
Affiliated of
DIRECTORATE GENERAL OF FINANCE & AUDIT/MINISTRY OF DEFENSE/RVN

INTAKE FORM Mẫu Dón Về Lý Lịch

NAME (TÊN) : NGUYEN THANH VU
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên)

DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 04 1940
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE / Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình)
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 14 QUOC LOC 1 - TP. BIENHOA - VIETNAM
(Dịa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) / No (Không)
If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 1 MAY 75 To (Đến) : 27-7-8

PLACE OF RE-EDUCATION : CAMP (TRẠI TỬ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Farmer

EDUCATION IN U.S. : - none -
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : RVNAF MAJOR Serial # 60/154200

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : / Date (Năm) : /
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : 14 1219155 No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : four
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MATILING ADDRESS IN VN : 14 QUOC LO 1 - TP. BIENHOA - VIET NAM
(Dịa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : PHU Q. NGUYEN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : / No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : UNCLE

NAME AND SIGNATURE : PHU Q. NGUYEN
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này)

DATE : /

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN THANH VU
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1- NGUYEN THU CUC	1940	WIFE
2- NGUYEN THANH TUAN	1965	SON (Twin)
3- NGUYEN THU TRANG	1965	DAUGHTER (Twin)
4- NGUYEN THANH TRUC	1967	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

Last RVN/Military Unit : REGIONAL FINANCE & ADMINISTRATIVE SERVICE NR.7 - MYTHO (SVN)

Affiliated of

DIRECTORATE GENERAL OF FINANCE & AUDIT/MINISTRY OF DEFENSE/RVN

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # 214155 1

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Nguyễn Thanh Vũ Sex: Nam Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of birth
Ngày/Nơi Sinh : 17/1/1980 Tam Điệp - Biện Hòa
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 214/3 Tam Hòa - Diên Hòa - Biện Hòa
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Hố Quốc Lộ 1 T.P. Biện Hòa
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm ruộng

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thanh Phúc 1 ghe</u>		<u>Biện Hòa</u>	<u>Nữ</u>		<u>Vợ</u>
2. <u>Nguyễn Thanh Tuấn 1 ghe</u>			<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Con</u>
3. <u>Nguyễn Thanh Trang 1 ghe</u>			<u>Nữ</u>		
4. <u>Nguyễn Thanh Trí 1 ghe</u>		<u>Nha Trang</u>	<u>Nam</u>		<u>Con</u>
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	Nguyễn Văn Hiếu (chết năm 1976)
2. Mother Mẹ	:	Nguyễn Thị Bảy
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	Nguyễn Thị Cúc
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	Không
5. Children Con cái:	(1)	NGUYỄN THANH TUÂN
	(2)	NGUYỄN THU TRANG
	(3)	NGUYỄN THANH TRÚC
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	
	(2)	
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Thanh Vũ

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 3-1-1961 Đến 30-1-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Thiếu Tá Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 60-154-200

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung: Bộ Quốc Phòng, Tổng Nha Tài Chính và Thanh Tra Quân Phi, Sở số 7 Mỹ

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Trung Tá Đào Văn Nguyễn

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

: Quân Sự-Việc Phi-Cảnh tại
Nhật Lang năm 1968

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sử có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

Nguyễn Thanh Vũ

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

Trường Du-Kích Johore Bahru Malaysia

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ:

Tới:

8-1-1968

20-12-1963

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học

Chiến Tranh Chống Du-Kích

5. Who paid for training? :

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện? :

Chính phủ Anh-Quốc

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

Nguyễn Thanh Vũ

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ:

Tới:

1-5-75

27-7-1983

3. Still in Reeducation?* Yes

Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có

No

Không

Ra trại ngày 27-7-83

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Ull

Date

Ngày:

2-10-1985

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

OCT 14, 1987

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN THANH VU	BORN	4 JUL 40	(IV 219155)
NGUYEN THI CUC	BORN	12 OCT 40	WIFE
NGUYEN THANH TUAN	BORN	10 NOV 65	UNMARRIED SON
NGUYEN THU TRANG	BORN	10 NOV 65	UNMARRIED DAUGHTER

ADDRESS IN VIETNAM: 14 QUOC LO 1
BIEN HOA
LONG NAI

VEWL#: 41721

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIỆN HO ĐƯỢC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA ĐƯỢC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAM (UNHCR). CHÚNG TÔI YÊU CẦU GIỚI THAM QUYỀN CẤP CHO HỌ GIẤY XUẤT CẢNH CÙNG NHỮNG GIẤY TỜ CẦN THIẾT ĐỂ RỜI VIỆT NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHỮNG NGUOI KE TREN ĐÃ ĐƯỢC UNHCR ĐỀ NGHỊ TÔI THAM QUYỀN VIỆT NAM THEO DANH SÁCH CHIED KHAN NHAP CẢNH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,

Beardley
Consular Service of the U.S.
DIRECTOR, IMMIGRATION AND PASSPORT OFFICE
BANGKOK, THAILAND

ODP-I
10/31

9253077

Orderly Departure Program
American Embassy
APO San Francisco 96346

NGUYEN THANH VU
14 QUOC LO 1
BIEN HOA
DUNG NAI
VIET NAM

The enclosed information contains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office either by telephone or letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears below.

IV Number: 219155

Encl: Letter of Introduction
Instructions

CRU /YUI

IV 219/55

BỘ NỘI VỤ
TRẠI : Hầm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

75 IAY TRẠI TRẠI

Đã được thông tin số 75/BCA/TTC ngày 31.05.1961 của
Bộ Nội Vụ.

Tên hành quyết sinh cha số 29/QĐ ngày 07.07.1963 của
Bộ Nội Vụ.

Hay cấp giấy cho anh có tên sau đây:

- Họ và tên đầy đủ: Nguyễn Thành Vũ
- Họ tên thường gọi: Nguyễn Thành Vũ
- Họ tên bí danh: Nguyễn Thành Vũ
- Năm sinh: 1940
- Nơi sinh: Biên Hòa
- Trú quán: 94/2/6 Tam Hiệp Vĩnh Hiệp Biên Hòa
Dung Nai

- Quê: Thôn Tân Trào, xã Tân Trào, huyện Tân Trào, tỉnh Tân Trào

- Bị bắt: 03.05.1975

- án phạt: 10 năm

Hay về cư trú tại: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp Biên Hòa

Dung Nai.

Nhận xét quá trình cư trú.

Tư tưởng: Quá trình cư trú không có biểu hiện gì xấu chịu
giáo dục của cách mạng.

Lao động: Tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được
giáo dục vượt chất lượng khá.

Nội quy: Chấp hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia học tập đều có tiến bộ (quần áo 12 tháng)

Ngày 27 tháng 07 năm 1983

Tên tay nhận trả phạt: Họ tên chữ ký của

của: Nguyễn Thành Vũ ngày đưa cấp giấy

(ấn chỉ)

(ký tên)

O. GIAM TH

(ấn ký)

Thiếu Tá Nguyễn Anh Quang

Nguyễn Thành Vũ

BÁC Y DAN CHANH

Ngày tháng năm

SÁO Y BẢN CHÍNH



Nguyễn Văn Thuyết



NATIONAL OFFICE

IV 219 155

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN THANH VŨ
Last Middle First

Current Address 14 QUOC LO 1 THANH PHO BIENHOA (DONG NAI) - VIET NAM

Date of Birth 4 JULY 1940 Place of Birth TAM HIEP, BIENHOA - VIETNAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1 - NGUYEN THU CUC Wife
2 - NGUYEN THANH TUAN Son
3 - NGUYEN THU TRANG Daughter
4 - NGUYEN THANH TRUC Son

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 1 MAY 1975 To 27 JULY 1983

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
PHU NGUYEN	Uncle-in-law		

Form Completed By:

PHU NGUYEN

Name

Phu Nguyen 1/10/86 ✓

700 Mountain Avenue, Middlesex, NJ 08846

Address

Additional information : NGUYỄN THANH VŨ
was a former Major RVNAF, Serial # 60/154200
Military Unit: Regional Finance & Administrative Service Nr.7 - Mytho -
(Sở Hành Chánh Tài Chánh số 7 - Mytho)
affiliated of Directorate Generale of Finan
& Audit/Ministry of Defense/R.V.N
(Tổng Nha Tài Chánh và Thanh Tra Quân Phi/B
Quốc Phòng/VNCH)

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN-THANH- VU
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1- NGUYEN THU CUC	1940 ,	WIFE
2- NGUYEN THANH TUAN	1965 ,	SON (Twin)
3- NGUYEN THU TRANG	1965 ,	DAUGHTER (Twin)
4- NGUYEN THANH TRUC	1967 ,	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

Last RVN/Military Unit: REGIONAL FINANCE & ADMINISTRATIVE SERVICE NR.7 - MYTHO (SVN)
Affiliated of
DIRECTORATE GENERAL OF FINANCE & AUDIT/MINISTRY OF DEFENSE/RVN

INTAKE FORM
MÀU DÓN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN) : NGUYEN THANH VU
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 04 1940
 (NĂM, NƠI SINH ĐÈ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE / Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : ✓
 (Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 14 QUOC LOC 1 - TP. BIENHOA - VIETNAM
 (Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ✓ No (Không)
 : If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 1 MAY 75 To (Đến) : 27-7-83

PLACE OF RE-EDUCATION : _____
 CAMP (TRẠI TỬ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Farmer

EDUCATION IN U.S. : - none -
 (DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : RVNAF MAJOR Serial # 60/154200

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : / Date (Năm) :
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : 1V / 214 155 No (Không) : ✓

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : FOUR
 NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 14 QUOC LO 1 - TP. BIENHOA - VIET NAM
 (Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : PHU Q. NGUYEN
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân : 700 MOUNTAIN AVE, MIDDLESEX, NEW JERSEY 08846, hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : ✓ No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : UNCLE

NAME AND SIGNATURE : PHU Q. NGUYEN
 ADDRESS OF INFORMANT
 (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này)

DATE : _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN THANH VU
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1- NGUYEN THU CUC	1940	WIFE
2- NGUYEN THANH TUAN	1965	SON (Twin)
3- NGUYEN THU TRANG	1965	DAUGHTER (Twin)
4- NGUYEN THANH TRUC	1967	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

Last RVN/Military Unit : REGIONAL FINANCE & ADMINISTRATIVE SERVICE NR.7 - MYTHO (SVN)

Affiliated of

DIRECTORATE GENERAL OF FINANCE & AUDIT/MINISTRY OF DEFENSE/RVN

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # 214155

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Nguyễn Thanh Vũ Sex: Nam
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of birth
Ngày/Nơi Sinh : 17/1/1980 Tam Hiệp, Biên Hòa
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-trú : 214/3 Tam Hiệp, Biên Hòa
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Hố Quốc Lộ 1 T.P. Biên Hòa
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm Rượu

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thanh Vũ</u>	<u>17/1/1980</u>	<u>Biên Hòa</u>	<u>Nam</u>	<u>Độc thân</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Nguyễn Thanh Tuấn</u>	<u>1/6/85</u>	<u>-</u>	<u>Nam</u>	<u>-</u>	<u>Con</u>
3. <u>Nguyễn Thanh Trang</u>	<u>1/6/85</u>	<u>-</u>	<u>Nữ</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
4. <u>Nguyễn Thanh Trí</u>	<u>1/6/87</u>	<u>Nhà Trảng</u>	<u>Nam</u>	<u>-</u>	<u>Con</u>
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	Nguyễn Văn Hiếu (chết năm 1976)
2. Mother Mẹ	:	Nguyễn Thị Bảy
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	Nguyễn Thị Cúc
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	Không
5. Children Con cái:	(1)	NGUYỄN THANH TUẤN
	(2)	NGUYỄN THU TRANG
	(3)	NGUYỄN THANH TRÚC
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	
	(2)	
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Thanh Vũ
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 3-1-1961 Đến 30-1-1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Thiếu Tá Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 60-154-200
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung: Bộ Quốc Phòng, Tổng Nha Tài Chính và Thanh Tra Quân Phi, Sở số 7 Mỹ T
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Trung Tá Đào Văn Nguyễn

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

Quân Sát-Viên Phi-Cử Lữ tại
Nha Trang năm 1968

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

Nguyễn Thanh Vũ

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

Trường Du-Kích Johore Bahru Malaysia

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ:

8-1-1968

Tới:

20-12-1968

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học

Chiến Tranh Chống Du-Kích

5. Who paid for training? :

Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện? :

Chính phủ Anh-Quốc

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

Nguyễn Thanh Vũ

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ:

1-5-75

Tới:

27-7-1983

3. Still in Reeducation?*

Yes

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

No

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

2-10-1985

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

TELEPHONE:

IV#: 219155

VEWL.#: 41721

I-171#: Y NO X

EXIT VISA#: NO

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THANH VŨ
Last Middle First
- Current Address: 942/6B - Khóm 3 - Tam Hiệp, Biên Hòa - DONG NAI
- Date of Birth: 4 JULY 1940 Place of Birth: Tam Hiệp, Biên Hòa - VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) Major RVNAF serial no 60/154200
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1 MAY 1975 To 27 JULY 1983
Years: 8 Months: 3 Days: 26
3. SPONSOR'S NAME: PHU Q. NGUYEN
Name
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Last

Middle

First

Current Address: 942/6B - Khóm 3 - Tam Hiệp, Biên Hòa - DONG NAI

Date of Birth: 4 JULY 1940 Place of Birth: Tam Hiep, Binh Hoa - VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) Major RVNAF serial no. 60/154200
(Rank & Position)

(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1 MAY 1975 To 27 JULY 1983
Years: 8 Months: 3 Days: 26
3. SPONSOR'S NAME: PHU Q. NGUYEN
Name

Address and Telephone Number

Years: 8 Months: 3 Days: 26

3. SPONSOR'S NAME: PHU Q. NGUYEN
Name

Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name _____

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

PHU Q. NGUYEN

Unde

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN THANH VU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN - THỊ - CÚC	12 OCT. 1940	WIFE
NGUYỄN - THANH - TUẤN	10 NOV. 1965	SON
NGUYỄN - THU - TRANG	10 NOV. 1965	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN THANH VŨ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 4 1940
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 942/6B KHóm 3, Tam Hiệp, Biên Hòa, ĐÔNG NAI
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____If Yes (Neu co): From (Tu): 1 MAY 1975 To (Den): 27 JULY 1983PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI HẦM TÂN
CAMP (Trai tu)PROFESSION (Nghe nghiep): FARMEREDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): - None -VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): RVNAF MAJOR

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Có): X
IV Number (So ho so): 219 155
No (Khong): _____NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiepMAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 942/6B - Khóm 3, Tam Hiệp, Biên Hòa
ĐÔNG NAI - VIỆT NAMNAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
PHU Q. NGUYENU.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): UncleNAME & SIGNATURE: PHU NGUYEN Phu NguyenADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____DATE: JULY 16 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - THANH VŨ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN - THỊ - CÚC	12 OCT. 1940	WIFE
NGUYỄN - THANH - TUẤN	10 NOV. 1965	SON
NGUYỄN - THU - TRANG	10 NOV. 1965	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN THANH VŨ
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : JULY 4 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 942/6B KHóm 3, Tam Hiệp, Biên Hòa, ĐÔNG NAI
 (Dia chi tai Viet-Nam)
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1 MAY 1975 To (Den): 27 July 1983
 PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI HẦM TÂN
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): FARMER
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): - None -
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): RVNAF MAJOR
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): 219 155
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 942/6B - KHóm 3, Tam Hiệp, Biên Hòa
ĐÔNG NAI - VIỆT NAM
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
PHU Q. NGUYEN
 U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Uncle
 NAME & SIGNATURE: PHU NGUYEN Phu Nguyen
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) _____
 DATE: JULY 16 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - THANH VŨ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN - THỊ - CÚC	12 OCT. 1940	WIFE
NGUYỄN - THAMP - TUÂN	10 NOV. 1965	SON
NGUYỄN - THU - TRANG	10 NOV. 1965	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính gửi Bà Chủ-tịch
HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRI VIỆT NAM
P.O BOX 5435
Arlington, Va 22205-0635

Hồ-số bổ-túc : NGUYỄN THANH VŨ

Kính Bà,

Phục đáp thư của quý Hội, tôi xin gửi theo đây :

1 - Political prioner registration form

2 - Intake form

(mỗi thư 2 bản) của cháu tôi là NGUYỄN THANH VŨ, để quý Hội lập danh sách của những tù nhân chính trị Việt Nam được phóng thích xin định cư tại Hoa-kỳ, hầu Bộ Ngoại Giao Mỹ có đủ đủ-kiến để yêu cầu HANOI sớm cấp xuất cảnh.

Thanh thật cảm ơn quý Hội./.



PHU Q. NGUYEN
July 16, 1989.

TB. xin gửi kèm chi phiếu *20 đóng góp ủng hộ ./.

Kính gửi Bà Chủ-tịch
HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRI VIỆT NAM
P.O BOX 5435
Arlington, Va 22205-0635

Hồ-số bổ-túc : NGUYỄN THANH VŨ

Kính Bà,

Phục đáp tho của quý Hội, tôi xin gửi theo đây :

1 - Political prioner registration form

2 - Intake form

(mỗi thu' 2 bản) của cháu tôi là NGUYỄN THANH VŨ, để quý Hội lập danh sách của những tù nhân chính trị Việt Nam được phóng thích xin định cư tại Hoa-kỳ, hầu Bộ Ngoại Giao Mỹ có đủ đủ-kiến để yêu cầu HANOI sớm cấp xuất cảnh.

Thanh thật cảm ơn quý Hội./.

Phu Nguyen

PHU Q. NGUYEN
July 16, 1989.

Đ. xin gửi kèm cho phiên *20 đóng góp ủng hộ ./.

Branch Name	MIDDLESEX	#39
Customer Name	PHU Q. NGUYEN	07/17/ 1989 55-2/212
Account Number		
PAY TO THE ORDER OF	HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRI VIỆT NAM	\$ 20.00
TWENTY DOLLARS		
FIRST FIDELITY BANK, N.A. New Jersey 550 Broad Street Newark, New Jersey 07102		
MEMO	<i>Phu Nguyen</i>	

PHU Q. NGUYEN



JUL 20 1989

Hồ-sở bồ-túc :

NGUYỄN-THANH-VŨ

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRI
VIET NAM

P.O BOX 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635

NGUYEN Q. PHU,



FEB 22 1990

Hội Gia đình Tự Nhân Chính Trị Vietnam
P.O BOX 5435
ARLINGTON, Va 22205-0635

Hội bố tộc :

NGUYỄN THANH-VŨ

Biên Hòa Ngày 21.5.80

Ban Hai.

Nhân được thư bạn qua bắt gặp, mặc dù
chỉ có vài hàng. Tôi nhớ bạn rõ lắm, một anh
bạn trẻ, 1 anh rất cứng cỏi trong thời gian
anh em mình biết nhau trong một trại Cải tạo.
Anh rất quý mến em, cũng như anh từng quý
mến và tin tưởng thân ái của em là người đàn
anh của anh ngày còn trong quân đội. Từng
được thư về năm 83 đến nay anh không gặp lại
anh Nhỏ, anh còn giữ 1 kỷ niệm anh cho và
luôn nhớ đến người bạn chiến đấu ấy, một đôi
chị anh, khi được biết rõ bây giờ anh
sống ra sao? ! nếu em biết rõ hơn anh
sống của anh nhớ cho anh biết với nhé.

Ban Hai à! anh rất cảm ơn em vẫn còn
nhớ đến anh, mặc dù em đang có một cuộc
sống có điều kiện và tương lai hơn anh. Công việc
của anh thì em cũng biết đó đến nay đã sống
tốt cả thể xác lẫn tinh thần. VN theo thừa thuận giữ
VN và Mỹ trong ch. Trĩ H. 5. Anh chỉ còn
đợi chuyển bay quyết định từ Bangkok về quê.

Ngươi giao VN là thông báo rằng ký lên đây.
Hầu hết mọi người đều thuộc vào khuôn này. Em
thấy nếu trong khu này em giúp đỡ được anh
cũng là điều may mắn cho anh.

Anh cảm ơn Hoi, nói chung sẽ có anh em với riêng
đó giúp đỡ anh hơn vậy cũng như tương lai đặt
chân lên nước Mỹ. Hón ai biết em qua đó cái
thời điểm này anh... Cảm ơn em rất nhiều đã
không quên anh. Chúc em được nhiều sức khỏe
và đạt được nhiều thành công trong cuộc sống.

Rất mong thư em.

Thân ái



Nguyễn Thanh Vũ

Nếu anh đi chi riêng
cũng đi để anh viết thư
thường cho anh nhé.

Anh anh: Có ý định anh
cũng là người đi dân chuyên
thư anh tiếp đến em.

Kính 8. Hải,

Cháu tôi có nhi- tôi chuyển đến ông bức thư và nói
gi- từ- Vietnam đến ông.

Tôi không biết địa chỉ riêng của ông, nên tôi nhi- hỏi
GPTAC/UN chuyển tiếp cho ông.

Kính chào,

Phu

Kính anh!

Hôm nay mới biết được tin anh, và
mừng cho anh đã có một cảnh -

Anh chắc không nhớ tôi đâu? Bởi Hải.
đem của Hải Nhỏ (Ngũ) ở Vườn. bông
Hải Tâm - quên rồi sao ông? -

Chúc anh sớm đạt được ý nguyện.

Kính chào anh

Huyên . ph. Hải

Kal

22.11.1990

Lý S. Hải,

Cháu tôi có nhi - tôi chuyển đến ông biết thì có nó
gửi từ Vietnam đến ông.

Tôi không biết địa chỉ riêng của ông, nên tôi nhi - Hải
GOTAC/VN chuyển tiếp cho ông.

Kính chào,

Plus

Mr. Phu Q. Nguyen

9

1 JUN 1990

JUN 1 2 1990



ALWAYS
USE ZIP CODE



JUN 1 2 1990

To: Ô. Huỳnh-ph. Hải
c/o Hội Gia đình Tự Nhân Chánh Trị Vietnam
P.O BOX 5435
ARLINGTON, Va. 22205



đồ vẽ comp.

Middlesex, ngày 1/8/89

Kính gửi
HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRI VIETNAM
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205

Thưa quý Hội,

Xin gửi theo đây GIAY RA TRAI (2 bản) của cựu Tự nhân chánh trị
NGUYỄN THANH VŨ để quý Hội tùy nghi.

Kính chào./.



PHU Q. NGUYEN

IV 219155

BỘ NỘI VỤ
TRẠI : Hầm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

7. LẤY TRÁI TRẠI

Thao thông tin số 966/BCA/TTC ngày 31.05.1961 của
Bộ Nội Vụ.

Thủ hành quyết sinh tha số 29/QĐ ngày 07.07.1983 của
Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ và tên đầy đủ: Nguyễn Thành Vũ
Họ tên thường gọi:
Họ tên bí danh:
Năm sinh: 1940
Nơi sinh: Biên Hòa
Trụ quán: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp, Biên Hòa,
Dong Nai

Quê gốc: Thi Quốc Trường (hội hành chính
tiếp vận vùng tre)
Đi bắt: 03.05.1975
Án phạt: 11TCT

Nay về cư trú tại: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp, Biên Hòa,
Dong Nai.

Nhận xét quá trình cải tạo:

Tư tưởng: Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự
giáo dục của chính mạng.

Lao động: Tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được
giáo dục vượt chất lượng khá.

Nội quy: Chấp hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia học tập đều có tiến bộ (quán chỗ 12 tháng)

Ngày 27 tháng 07 năm 1983

Lưu trữ region trả bài: Họ tên chủ ký của
của: Nguyễn Thành Vũ ngày: 0. 3. 1983

(ấn ký)

(ấn chỉ)

(ký tên)

Thiếu Tá Nguyễn Anh Quang

Nguyễn Thành Vũ

SÁO Y BẢN CHÍNH

SÁO Y BẢN CHÍNH

Ngày: Tháng: Năm:



Nguyễn Duy Truyền

IV 219155

BỘ NỘI VỤ
Trại: Hàm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(7) TAY TRÁ TRẠI

theo công văn số 966/BCA/TTC ngày 31.05.1961 của
Bộ Nội Vụ.
Thực hiện quyết định của số 23/QĐ ngày 07.07.1983 của
Bộ Nội Vụ.

Hãy cấp giấy trả cho anh có tên sau đây::

- Họ và tên đầy đủ: Nguyễn Thành Vũ
- Họ tên thường gọi:
- Họ tên bí danh:
- Năm sinh: 1940
- Nơi sinh: Biên Hòa
- Trú quán: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp, Biên Hòa
Đông Nai

- Căn cước:
- Thời gian:
- Bị bắt: 03.05.1975
- Ấn phát: TTC

Hãy về cư trú tại: 94/2/6 Tam Hiệp, Vĩnh Hiệp, Biên Hòa
Đông Nai.

Nhận xét quá trình cải tạo.

Tư tưởng: Quá trình cải tạo không có biến hóa gì xấu chịu sự
giáo dục của cách mạng.

Lao động: Tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được
giáo dục vượt chất lượng.

Nội quy: Chấp hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia học tập đều có tiến bộ (quản chỗ 12 tháng)

Ngày 27 tháng 07 năm 1983

Tên tay nhận trả phạt: Họ tên chữ ký của: O. STAN THI
của: Nguyễn Thành Vũ ngày đưa cấp giấy: (ấn ký)
(ấn chỉ) (ký tên) Thiếu Tá: Nguyễn Anh Quang
Nguyễn Thành Vũ

BAO Y DAN CHANH

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: Tháng: Năm:



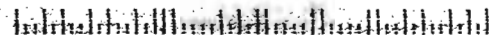
Nguyễn duy Trinh

PHU O. NGUYEN



FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635

Hồ-sơ bỏ-tục:
NGUYEN THANH VU



CONTROL

____ Card
____ ✓ Doc. Request; Form *gray 2a train 07/24/89*
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter